

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ số 22062301.EN/TFR ngày 22 tháng 6 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2537/TTr-STNMT ngày 02 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ, địa chỉ tại số B15-1, đường 1A, khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Chế biến gia công trái cây, rau củ quả xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: “Chế biến gia công trái cây, rau củ quả xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số B15-1, đường 1A, khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án số 9923555407, chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, thay đổi lần thứ 02 ngày 21 tháng 5 năm 2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp số 1801277862, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 02 tháng 3 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 1801277862.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sơ chế và làm sạch (rửa) các loại nông sản: các loại trái cây (bưởi, cam, chanh, thanh long), nông sản khác (khoai lang, khóm, đậu hà lan...). Riêng chỉ có bưởi là có sản phẩm tách múi đóng gói.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô, công suất của dự án: Công suất tối đa là 15.000 tấn/năm.
- Diện tích 9.270 m²;
- Tổng mức đầu tư: 42.000.000.000 đồng (*Bốn mươi hai tỷ đồng*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 24. tháng 8 năm 2023 đến ngày 24 tháng 8 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ, Ủy ban nhân dân quận Cái Răng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *bl*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND TP;
- Cty TNHH MTV The Fruit Republic CT;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT. VK *vn*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiền



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt;
- Nguồn số 02: Nguồn nước thải từ hoạt động sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải xử lý được dẫn xả vào hệ thống cống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Sau đó, nước thải tiếp tục được dẫn xả vào nguồn tiếp nhận là rạch Bến Bạ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải của Công ty vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X = 1104752; Y = 590274.

- Tọa độ điểm xả thải trên rạch Bến Bạ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X = 1104637; Y = 590472.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày đêm (tương đương 05 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 12 lần/ngày (02 giờ xả 01 lần, mỗi lần xả 01 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 1,1)), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k _q = 0,9; k _f = 1,1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần	-
2	Màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	-
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	50	03 tháng/lần	-
4	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	30	03 tháng/lần	-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 1,1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
5	Nhu cầu oxi hoá học (COD)	mg/L	75	03 tháng/lần	-
6	Amoni	mg/L	5	03 tháng/lần	-
7	Tổng Nitơ	mg/L	20	03 tháng/lần	-
8	Tổng Phospho	mg/L	4	03 tháng/lần	-
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5	03 tháng/lần	-
10	Sunfua	mg/L	0,2	03 tháng/lần	-
11	Tổng HCBVTV Clo hữu cơ	mg/L	0,05	03 tháng/lần	-
12	Tổng HCBVTV phospho hữu cơ	mg/L	0,3	03 tháng/lần	-
13	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000	03 tháng/lần	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải có 02 nguồn: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, từ bể tự hoại nước thải về hệ thống xử lý tập trung bằng đường ống dẫn Ø114 bằng phương pháp tự chảy theo cao trình. Nước thải sản xuất tại các khu vực xưởng (chủ yếu là nước rửa trái cây và vệ sinh nhà xưởng) được thu gom vào các ống PPR D90, D110. Sau đó, toàn bộ lượng nước thải của cơ sở thu gom và đầu nối vào vào hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm, thông qua hệ thống ống nhựa PVC Ø114, Ø200 và các hố ga thu nước thải kích thước 70 x 70 (cm) bố trí xung quanh nhà xưởng, dọc theo tuyến giao thông nội bộ, trung bình 20m bố trí 01 hố ga, với số lượng hố ga là 15 cái, độ dốc tuyến cống i = 0,4%. Nước thải qua hệ thống ống thu gom về hố thu và được đưa vào hệ thống xử lý bằng bơm ly tâm 1.5 Hp Qmax=14 m³/h đường ống 42mm, dài 6m.

Nước thải sau khi qua xử lý đạt chuẩn tại hệ thống xử lý được dẫn tiếp tục vào tuyến ống thoát nước PVC Ø200 của cơ sở, sau đó xả vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp theo phương thức tự chảy với độ dốc tuyến ống là 0,4%. Chiều dài đoạn ống từ hệ thống xử lý nước thải đến vị trí đầu nối vào đường ống thoát nước của khu công nghiệp là 60m.

Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1 tại điểm xả nằm trên Đường số 7. Chế độ xả thải là 12 lần/ngày (cách 02 giờ xả một lần, mỗi lần xả 01 tiếng).

Nước thải xả vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp Hưng Phú 1 sau đó tự chảy ra rạch Bến Bạ theo cao trình. Công thoát nước khu công nghiệp là công BTCT, đường kính Ø 800mm, chiều dài đường ống từ điểm đầu nối trên Đường số 7 đến điểm xả thải ra rạch Bến Bạ là 240m. Cửa xả nước thải của cơ sở sử dụng chung với khu công nghiệp được làm bằng vật liệu bê tông cốt thép, rộng 2,65m, cao 1,86m.

Nước thải phát sinh của cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

Quy trình trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Bể điều hòa, khử clo dư → (PAC →) Bể keo tụ → Bể Biostyr (Bể chứa bùn) → (O₃ →) Bồn lọc khử trùng → Bồn lọc hấp phụ → Nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này):

Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải được liệt kê trong bảng sau:

TT	Hoá chất	Liều lượng	Mục đích sử dụng
01	PAC	50g/lít	Trợ lắng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trường hợp có sự cố xảy ra nhà máy sẽ cho tạm dừng sản xuất chờ sửa chữa hệ thống. Tuy nhiên, từ lúc hoạt động đến nay nhà máy chưa gặp sự cố về hệ thống, công ty có bộ phận kỹ thuật vận hành hệ thống theo dõi và thường xuyên kiểm tra để báo các sự cố trong quá trình vận hành.

Ngoài ra, trong trường hợp nước thải phát sinh lớn và khả năng tồn lưu quay dòng nước thải và các bể chứa trong hệ thống không chứa hết lượng nước thải phát sinh khi có sự cố, Công ty sẽ khẩn cấp bố trí hoặc thuê mượn đơn vị có pháp nhân bố trí các bồn composite để lưu tạm nước thải phát sinh, khẩn trương khắc phục sự cố và sẽ xử lý lại lượng nước lưu tạm này sau khi hệ thống xử lý nước thải khắc phục sự cố xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã đi vào hoạt động ổn định và được Ủy ban nhân dân thành phố giấy phép môi trường thành phần (Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 61/GP-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố và Giấy xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 26/STNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý thải theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: -

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMТ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn và rung từ máy phát điện.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn từ máy rửa buồm và máy điều hòa tại các kho lạnh.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận chuyển ra vào đề xuất, nhập hàng và phương tiện giao thông của nhân viên tại công ty.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh	Vị trí	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiều 3 ⁰)
Nguồn số 01	Cạnh nhà xe	X: 1104947; Y: 590165
Nguồn số 02	Tại các kho lạnh.	X: 1104872; Y: 590147
Nguồn số 03	Nhà xe nhân viên, cổng ra vào và cửa xuất nhập hàng	X: 1104914; Y: 590173

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT):

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT):

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6-18 giờ	Từ 18-6 giờ	-	Khu vực đặc biệt
	75	Mức nền		
2	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	75	Mức nền		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: -

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT-UBND ngày²⁴ tháng 8 năm
2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
Tổng lượng chất thải nguy hại khoảng 209 - 244 kg/năm, gồm các chất sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg)		Đơn vị tiếp nhận xử lý
			2020	2021	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	105	106	Công ty TNHH SX-DV-TM Môi trường Việt Xanh, (Mã số: 1-2-3-4-5-6. 033.VX)
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	180201	25	35	
3	Mực in thải có các thành phần nguy hại	080201	36	17	
4	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	020501	50	30	
5	Nhớt từ xe nâng, dock cont, hệ thống lạnh	170106	96	36	
6	Nhớt trong máy phát điện, trong hộp số motor	170202	0	0	
7	Bao bì chứa hóa chất, dầu, lon sơn, lon mực, nhớt... bằng kim loại	180102	17	12	
8	Bao bì chứa hóa chất, dầu, nhớt, lon sơn, lon mực bằng nhựa	180103	9	6	
9	Pin đồng hồ, bình ắc quy xe nâng, đèn thoát hiểm thải	160112	2	2	
Tổng			209	244	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Khoảng 32.202-36.862 kg/năm.

Chất thải sản xuất phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu bao gồm giấy carton (ướt/nát), giấy vụn, giấy bóng, bao nylon, dây đai và các chất thải rắn có tính chất không phải là chất thải rắn nguy hại (trái cây hư, hồng, lá cây, vỏ trái cây...). Chất thải rắn công nghiệp thông thường được chia làm 02 nhóm:

- Chất thải rắn phải xử lý: gồm các loại chất thải hữu cơ như vỏ trái cây, trái cây hư hỏng,... và các loại chất thải khác có tính chất không phải là chất thải nguy hại.

- Phế liệu: các loại phế liệu phát sinh tại cơ sở.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 66.090-69.510 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh được phân loại tại nguồn và thu gom về kho chứa chất thải rắn để lưu trữ tạm. Dụng cụ lưu chứa và kho lưu trữ, được phân loại dán nhãn, ghi mã số, tiêu ngữ và biển báo theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

Chất thải nguy hại được lưu giữ tại kho có diện tích 06m², trong kho có bố trí 09 thùng chứa bằng nhựa, mỗi thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn và ghi mã số chất thải nguy hại trên từng thùng. Cơ sở ký hợp đồng với Công ty TNHH SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh thu gom chất thải nguy hại để xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn từ quá trình sản xuất) phát sinh tại mỗi khâu trong dây chuyền sẽ được cho vào các dụng cụ lưu chứa chất thải rắn như: sọt chứa (khoảng 10kg/sọt) và thùng chứa (khoảng 100kg/thùng),... Ngoài các thùng chứa chất thải rắn bằng nhựa, công ty còn bố trí thêm 02 cần xé và các giỏ bằng nhựa dùng để chứa chất thải tạm thời khi các sọt chứa lớn không còn chỗ chứa.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 22 m² được bố trí trong khu vực tập kết chất thải rắn (có tổng diện tích 40,8m²), trần lợp tone, vách tường có cửa chính và được chia làm 02 khu vực:

- Khu vực chứa chất thải tái chế có diện tích 16m², có pallet kê để chứa thùng carton và màng co.

- Khu vực chứa CTNH có diện tích 06m².

Chất thải rắn sinh hoạt thông thường được đi xử lý theo hợp đồng đã ký.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại công ty được bố trí thùng rác loại 21 lít có nắp đậy tại các khu vực văn phòng, khu nhà ăn tập thể, hành lang để thu gom chất thải sinh hoạt, mang ra khu

vực tập kết chất thải rắn và thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt từ khu vực tập kết đi xử lý.

Hiện nay, để thu gom và quản lý lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hằng ngày, Công ty bố trí 15 thùng rác (loại 21 lít/cái), có nắp đậy để thu gom tại các khu vực như văn phòng, khu nhà ăn tập thể, khu vực hành lang. Khu vực tập kết chất thải rắn có diện tích 40,8m² (bao gồm kho chất thải rắn có diện tích 22 m²), dùng để tập kết các thùng có nắp đậy loại 240lít/cái (hơn 20 thùng) chứa chất thải rắn không tái chế, không nguy hại. Khu tập kết chất thải rắn được bố trí gần cổng ra vào của cơ sở, thuận tiện cho đơn vị thu gom đến vận chuyển chất thải mang đi xử lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại: -

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: -

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: -



Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT-UBND ngày²⁴ tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Chủ dự án cơ sở có trách nhiệm thực hiện và cung cấp nội dung kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 108, Điều 109 và Điều 110 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm trong việc thỏa thuận với đơn vị hạ tầng khu công nghiệp trong việc thu gom, xử lý nước thải theo quy định./.

